



GIẤY PHÉP

**THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG
CÔNG CỘNG**



Số: 99 /GP-CVT

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2016

GIẤY PHÉP
THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG

(Có giá trị đến hết ngày 27 tháng 4 năm 2031)
Cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2016

CỤC TRƯỞNG CỤC VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 35/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại dịch vụ viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông;

Xét Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số 1905-1/2015/MTT-CV ngày 19 tháng 5 năm 2015; Đơn kèm hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số 1905-2/2015/MTT-CV ngày 19 tháng 5 năm 2015; Đơn kèm hồ sơ đề nghị cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số 2005/2015/MTT-CV ngày 20 tháng 5 năm 2015; Công văn số 0809/CV-MTT/2015 ngày 09 tháng 9 năm 2015 về việc bổ sung hồ sơ xin cấp phép viễn thông; Công văn số 0909/MTT-CV/2015 ngày 09 tháng 9 năm 2015; Công văn số 0701/CV-MTT/2016 ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Viễn thông Minh Tú;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Thị trường,

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG MINH TÚ.

Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG MINH TÚ.

Tên giao dịch quốc tế: MINH TU TELECOM COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: MT TELECOM CO., LTD.

Địa chỉ trụ sở chính: 18/10 Sao Mai, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0309862618 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 3 năm 2010, đăng kí thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) được thiết lập mạng viễn thông công cộng theo các quy định sau:

1. Mục đích: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng nhưng không bao gồm việc cho phép cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ ứng dụng viễn thông.

Để cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ ứng dụng viễn thông trên mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này, Doanh nghiệp phải có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông, giấy phép cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông theo quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng.

2. Loại mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần số, kênh tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông.

3. Phạm vi thiết lập mạng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Kết nối: Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối.

5. Kho số: Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu và số thuê bao viễn thông theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

6. Tần số vô tuyến điện: Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số, kênh tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông công cộng nêu tại Giấy phép này theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện.

Điều 2. Ngoài các quy định tại **Điều 1**, Doanh nghiệp có nghĩa vụ:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định của Giấy phép, các nội dung cam kết tại Phụ lục 1 của Giấy phép này để thiết lập hạ tầng mạng viễn thông như quy định tại Giấy phép này.

2. Đầu tư, phát triển mạng viễn thông công cộng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của các doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt và theo các nội dung trong hồ sơ xin cấp phép.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng và thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thông theo quy định của pháp luật.

9. Kết nối cơ sở dữ liệu quản lý mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp với hệ thống thu thập và quản lý số liệu viễn thông của Cục Viễn thông khi được yêu cầu.

10. Công bố nội dung Giấy phép theo quy định tại Khoản 6 Điều 23 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

11. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí theo quy định.

12. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 3: Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./



Nguyễn Đức Trung